

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02 tháng 3 năm 2021

Về việc: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Kim Lên

Ông: Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Minh A**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị **Đinh Hồng D**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2021, nguyên đơn là anh Trần Minh A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Minh A và chị Đinh Hồng D chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân nay rất lâu. Nay anh yêu cầu

được ly hôn với chị Đinh Hồng D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Trần Quang V, sinh năm 2003; Trần Thanh T, sinh năm 2005 các cháu hiện nay anh đang nuôi dạy.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Đinh Hồng D trình bày tại đơn xin vắng mặt ngày 08/01/2021: Qua lời trình bày của anh Trần Minh A về hôn nhân con chung, nợ chung, tài sản chung chị thống nhất với lời trình bày của anh A đồng ý ly hôn, con theo ai người đó nuôi, tài sản không có không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Trần Minh A và chị Đinh Hồng D có nơi trú tại xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 277, 288, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Minh A khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Đinh Hồng D, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Lừa là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh A là nguyên đơn, chị D là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Minh A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị D thống nhất với lời trình bày của anh A như trong đơn khởi kiện. Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Minh A và chị Đinh Hồng D kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định, nay anh A và chị D không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh A và chị D đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh A được ly hôn với chị D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung Trần Quang V, sinh năm 2003; Trần Thanh T, sinh năm 2005 hiện nay hai cháu chung sống với anh A.

Xét, con chung tên Trần Quang V, sinh năm 2003; Trần Thanh T, sinh năm 2005 sống chung với anh A và nguyện vọng của 02 cháu muốn sống với anh A hiện đang đi học nên gần gũi với anh A, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Quang V, sinh năm 2003; Trần Thanh T, sinh năm 2005 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng; anh A không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét. Chị D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh A và chị D xác định không có. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh A tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Trần Minh A được ly hôn với chị Đinh Hồng D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quang V, sinh năm 2003; Trần Thanh T, sinh năm 2005 cho Trần Minh A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị Đinh Hồng D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh A tự nguyện chịu 300.000 đồng, ngày 08/01/2021 theo biên lai số 0004514 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thanh Thủy